

Số: 38/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 02 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 241 /2025/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1988; HKTT: Thôn S, xã C, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; HKTT: Thôn S, xã C, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2026

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H ; sinh năm 1988; HKTT: Thôn S, xã C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; HKTT: Thôn Sáu Hạ, xã Cao Dương, tỉnh Phú Thọ

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn

2.2 *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/7/2020 cho đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị H tự nguyện cấp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn) cùng anh D, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 03/2026 cho đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H có quyền thăm con chung sau ly hôn không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn D có quyền thay đổi nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định pháp luật.

2.3 *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

2.4 *Về công nợ chung*: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.5 *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00058271 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 của luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 13 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Cao Dương, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Chu Thị Lan Anh

